

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **19/2023/DS-PT**

Ngày 18/4/2023

“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam, ông Đồ Hữu Việt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, TAND tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLPT-DS ngày 12/12/2022 về việc *“Tranh chấp thừa kế tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Y.T, xã H. K, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Bà Dương Thị Th, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 17, phường A. T, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Bà Dương Thị Kh, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 17, phường A. T, thành phố T. Q; có mặt.

- Bà Dương Thị K, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 14, phường A. T, thành phố T. Q.

- Bà Dương Thị Kim B, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 30, phố H. Đ, phường H. B, quận H. K, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn bà L, bà Th, bà Kh, bà K, bà B: Ông Đàm Quốc C luật sư - Công ty Luật TNHH MTV Quốc Cường - Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Khu dân cư L. T, tổ 17, phường P. Th, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 07, phường A. T, thành phố T. Q; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa liên quan:

- Anh Dương Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 17, phường A. T, thành phố T. Q; có mặt.

- Chị Dương Thị Ch, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 14, đường H. H, phường P. T, quận H. K, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị Ch là anh Dương Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 17, phường A. T, thành phố T. Q; có mặt.

- Chị Dương Thị Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 07, phường A. T, thành phố T. Q; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của chị Trang là anh Dương Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 17, phường A. T, thành phố T. Q; có mặt.

Người kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B;

Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại bản tự khai, biên bản hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên toà các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L; bà Dương Thị Th; bà Dương Thị Kh; Bà Dương Thị K và bà Dương Thị Kim B trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D sinh được 07 người con gồm các bà, ông Dương Văn Đ và ông Dương Văn V (ông V chết năm 2010 và có 03 người con đẻ là Dương Minh T, Dương Thị Tr, Dương Thị Ch), cụ H và cụ D không có con nuôi, không có con riêng. Khi các anh em lập gia đình đều ở riêng, còn cụ H, cụ D sinh sống với nhau tại Thôn Y.T, xã H.K, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang. Khi còn sống cụ H, cụ D có tạo lập được khối tài sản gồm 01 diện tích đất 2.027m² có nhà xây 02 tầng và đất ruộng tại Thôn Y.T, xã H.K, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2009 cụ H chết không để lại di chúc, năm 2021 cụ D chết cũng không để lại di chúc. Đến khi giỗ cụ D 100 ngày ông Đ có đưa bản di chúc viết tay ra đọc nội dung bản di chúc là cụ D để lại cho ông Dương Văn Đ được quyền thừa hưởng toàn bộ thừa đất và căn nhà của cụ H, cụ D đang ở. Các bà không nhất trí với bản di chúc trên, sau đó các anh chị em đã họp gia đình và đều đi đến thống nhất ông Đ nhất trí sẽ cắt cho 05 chị em gái tổng là 15 mét đất bảm mặt đường liên thôn, việc họp anh em có lập biên bản và tất cả đều ký. Sau đó các bà đề nghị họp lại về việc chia 15 mét đất nhưng ông Đ không đồng ý gặp để thống nhất. Do vậy các bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ H cụ D để lại gồm nhà ở, đất thổ cư, đất vườn cho các bà và các con của ông V theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày: Ông là con đẻ của cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D, bố mẹ ông có 07 người con đẻ gồm ông Dương Văn V (ông V chết năm 2010 và có 03 người con đẻ là Dương Minh T, Dương Thị Tr, Dương Thị Ch), ông, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, Dương Thị Kim B và Dương Thị L, cụ H và cụ D không có con nuôi, không có con riêng. Khi bố mẹ ông chết có để

lại khối tài sản gồm 01 diện tích đất ở và đất vườn khoảng 2000m² có nhà xây 02 tầng và đất ruộng tại Thôn Y.T nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bố ông chết không để lại di chúc thừa kế tài sản cho ai, nhưng khi mẹ ông chết có để lại di chúc thừa kế tài sản cho ông, sau khi tổ chức giỗ 100 ngày cho mẹ ông, ông có đưa bản di chúc viết tay ra đọc, nội dung bản di chúc là mẹ ông để lại cho ông được quyền thừa hưởng toàn bộ thừa đất và căn nhà trước đó mẹ ông ở, không được bán cho ai. Nhưng các em gái của ông không nhất trí với bản di chúc trên, sau đó các anh, em đã họp gia đình và đều đi đến thống nhất là ông nhất trí sẽ cắt cho 05 chị em gái gồm Dương Thị Th, Dương Thị Kh, Dương Thị K, Dương Thị Kim B và Dương Thị L là 15 mét đất bám mặt đường liên thôn, riêng ông V đã chết, có vợ ông V là bà Đặng Thị Lý cũng ký từ chối nhận thừa kế vì trước khi bố mẹ ông chết đã cho ông V 01 mảnh đất hiện nay anh Dương Minh T đang đứng tên sử dụng. Sau đó các em gái của ông không nhất trí với biên bản họp họp gia đình và khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật về toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại ông nhất trí chia diện tích đất theo biên bản thỏa thuận (biên bản họp gia đình) ngày 08/6/2021, còn ngôi nhà ông đề nghị để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Đối với bản di chúc do các em của ông không nhất trí, nên ông cũng không đề cập đến bản di chúc đó.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Minh T và chị Dương Thị Tr: Anh, chị là con đẻ của ông Dương Văn V, năm 2010 ông V chết, nay các cô của anh, chị đề nghị chia di sản thừa kế của ông bà nội anh, chị để lại, anh chị đề nghị Tòa án chia cho anh, chị được hưởng phần của ông Dương Văn V.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các đồng nguyên đơn Dương Thị Kh, Dương Thị L, Dương Thị Kim B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Minh T và Dương Thị Tr đề nghị chia tổng diện tích đất làm 07 phần, trong đó ông Đ được hưởng một phần, còn các đồng nguyên đơn và người liên quan được hưởng 06 phần, nhưng không chia tách 06 phần cụ thể mà đề nghị được hưởng chung (*gộp chung 6 kỷ phần*), sau đó các đồng nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận với nhau sau, cụ thể: Chia cho ông Đ 1m đất chiều ngang bám đường liên thôn với diện tích 289,5m² (*phần đất tiếp giáp với phần đất cụ H, cụ D đã chia cho bà Dương Thị L*), phần đất còn lại có nhà và các công trình phụ, phần đất ao chia cho các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về tài sản là nhà và các công trình phụ khác nhất trí trả tiền chênh lệch về tài sản cho ông Dương Văn Đ theo kết quả định giá của Hội đồng định giá. Về mái tôn hình thành sau khi cụ H và cụ D chết, nên không yêu cầu giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; kh ông Hòa giải được và đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ các Điều 26; 147; 165; 235; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649,

650, 651, 652 - Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L; bà Dương Thị Th; bà Dương Thị Kh; Bà Dương Thị K và bà Dương Thị Kim B.

2. Xử chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

2.1. Giao ông Dương Văn Đ được quyền sở hữu và sử dụng: 01 nhà xây 02 tầng mái bằng, diện tích $29,4m^2$; 01 nhà mái ngói 01 tầng + bếp diện tích $34,2628m^2$; 01 sân bê tông + đường vào diện tích $11,882m^2$; 01 bờ kè đá của ao cá diện tích $46,117m^3$; 01 bờ kè gạch chắn đất vườn, diện tích $9,348m^2$; 01 Nhà tắm + nhà vệ sinh, diện tích $4,9344m^2$; 01 bể nước ăn, diện tích $3,9686m^3$; 01 lan can trước nhà, diện tích $13,78m^2$.

Tạm giao cho ông Dương Văn Đ được quyền sử dụng thửa đất ký hiệu số 01, với diện tích = $1.366,9m^2$ (*Trong đó đất ở = $57,14m^2$, đất vườn = $540,66$, đất ao = $769,1m^2$*) được nối liền bởi các điểm nối liền tục 34, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 34 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án).

Tổng trị giá nhà và đất = 151.694.503đồng (*một trăm năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn năm trăm linh ba đồng*).

2.2. Tạm giao cho Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr được quyền sử dụng thửa đất ký hiệu số 02 với diện tích $660,1m^2$, trong đó đất ở = $342,86m^2$, đất vườn = $317,24m^2$ được nối liền bởi các điểm nối liền tục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 34, 37, 36, 35, 34, 33, 32, 31, 27, 28, 29, 30, 1 (*có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án*). Tổng trị giá đất = 148.247.400đồng (*một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*).

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Ông Dương Văn Đ phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr với tổng số tiền = 108.846.503đ (*làm tròn = 108.846.000đ*) (*Một trăm linh tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Chia ra: bà Dương Thị L = 18.141.000đ (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*), bà Dương Thị Th = 18.141.000đ (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*), bà Dương Thị Kh = 18.141.000đ (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*), bà Dương Thị K = 18.141.000đ (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*), bà Dương Thị Kim B = 18.141.000đ (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*), anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr = 18.141.000đ (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Chia ra anh Tuấn = 6.047.000đ (*Sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), chị Châm =

6.047.000đ (*Sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), chị Trang = 6.047.000đ (*Sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Dương Thị L; bà Dương Thị Th; bà Dương Thị Kh; Bà Dương Thị K và bà Dương Thị Kim B; Dương Minh T, chị Dương Thị Tr và chị Dương Thị Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lương Văn Hiền chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí*: Bà Dương Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đồng (*Hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003871 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại bà L số tiền chênh lệch là 2.857.600 (*Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*);

Bà Dương Thị Kh phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đồng (*Hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng*);

Bà Dương Thị K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đồng (*Hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng*);

Bà Dương Thị Kim B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đồng (*Hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng*);

Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Tr và chị Dương Thị Ch phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đồng (*Hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng*). Chia ra anh Tuấn phải chịu 714.133đồng (*Bảy trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi ba đồng*), chị Trang phải chịu 714.133đồng (*Bảy trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi ba đồng*), chị Châm phải chịu 714.133đồng (*Bảy trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi ba đồng*).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị Th và ông Dương Văn Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B và những người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr, đơn đề ngày 21/9/2022 có nội dung: không nhất trí với bản án sơ thẩm số 63/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y.S, kháng cáo đối với một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.S theo hướng đề nghị chia tổng diện tích đất làm 07 phần, trong đó ông Đ được hưởng một phần, còn các đồng nguyên đơn và người liên quan được hưởng 06 phần, nhưng không chia tách 06 phần cụ thể mà đề nghị được hưởng chung (*gộp chung 6 kỷ phần*) đất ở, đất ao và đất vườn cho các hàng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B;

Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.S theo hướng đề nghị chia tổng diện tích đất làm 07 phần, trong đó ông Đ được hưởng một phần, còn các đồng nguyên đơn và người liên quan được hưởng 06 phần, nhưng không chia tách 06 phần cụ thể mà đề nghị được hưởng chung (*gộp chung 6 kỷ phần*) đất ở, đất ao và đất vườn cho các hàng thừa kế.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B và Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B và Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y.S:

- Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn: bà Dương Thị L; bà Dương Thị Th; bà Dương Thị Kh; Bà Dương Thị K và bà Dương Thị Kim B về chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D cho các đồng thừa kế:

+ Giao cho Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr được quyền sở hữu và sử dụng: 01 nhà xây 02 tầng mái bằng, diện tích 29,4m²; 01 nhà mái ngói 01 tầng + bếp diện tích 34,2628m²; 01 sân bê tông + 01 Nhà tắm + nhà vệ sinh, diện tích 4,9344 m²; 01 bể nước ăn, diện tích 3,9686m³; 01 lan can trước nhà, diện tích 13,78m²;

Tạm giao cho Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr được quyền sử dụng thửa đất ký hiệu số 01 với diện tích 1.737,4m², trong đó đất ở = 342,86m², đất vườn = 625,44, đất ao là 769,1 m² được nối liền bởi các điểm nối liền tục 5,7,8,9...26,27,28,6,5 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án). Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tổng cộng trị giá di sản thừa kế các đồng nguyên đơn được hưởng là 268.949.900đ.

+ Tạm giao cho ông Dương Văn Đ được quyền sử dụng thửa đất ký hiệu số 02, với diện tích = 289,6m² (Trong đó đất ở = 57,14m², đất vườn = 232,46 m²), được nối liền bởi các điểm nối liền tục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 28, 29, 1 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án). Tổng trị giá thửa đất ông Đ được hưởng là 30.992.100đồng.

Ông Dương Văn Đ được hưởng phần giá trị tài sản chênh lệch là 11.855.900đ do các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả để đủ trị giá kỷ phần.

Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho Ông Dương Văn Đ phần giá trị tài sản chênh lệch là 11.855.900đ, chia ra: (11.855.900đ chia 6 phần) các bà Dương Thị L, Dương Thị Th, Dương Thị Kh, Dương Thị K, Dương Thị Kim B và một suất của 03 người có quyền lợi liên quan (anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr) mỗi người phải chịu số tiền 1.975.983,33đ;(Làm tròn số 1.975.980đ); Trong đó: anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr mỗi người phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho Ông Dương Văn Đ số tiền là 658.660đ (Sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Dương Thị Th và ông Dương Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự còn lại phải chịu án phí tương ứng với trị giá tài sản được hưởng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: Đơn kháng cáo các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Phạm vi kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B; Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.S theo hướng chia đều 07 xuất bằng đất ở, đất ao và đất vườn cho các hàng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B; bị đơn ông Dương Văn Đ; Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Cấp sơ thẩm xem xét thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế, di sản thừa kế, hàng thừa kế theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

2.2. Về thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế:

Theo khoản 1 Điều 623 - Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Khoản 1 Điều 107 - Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Bất động sản bao gồm: Đất đai; Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai; Tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng*”. Thấy rằng thời điểm mở thừa kế đầu tiên là ngày cụ Dương Văn H chết (ngày 04 tháng 10 năm 2009), đến năm 2021 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Do vậy thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn.

2.3. Về di sản thừa kế:

Về nguồn gốc diện tích đất yêu cầu chia thừa kế: Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định theo sổ mục kê lập năm 1996 diện tích đất yêu cầu chia thừa kế thuộc thửa số 9a, tờ bản đồ 05 thể hiện đất nông trường (*Thời điểm kiểm kê do Nông trường quản lý*). Tuy nhiên ngày 23 tháng 7 năm 2013 UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè Sông Lô thì một phần diện tích đất nêu trên được bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý. Còn một phần đất ao chưa được bàn giao về cho địa phương quản lý. Diện tích đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử thấy rằng diện tích đất yêu cầu chia thừa kế chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003. Tuy nhiên thấy rằng tại tiểu mục 1.3 mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định “*Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có một trong các loại giấy tờ được hướng dẫn tại tiểu mục 1.1 và tiểu mục 1.2 mục 1 này nhưng có di sản là nhà ở, vật kiến trúc khác (như: nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà để ô tô, nhà thờ, tường xây làm hàng rào gắn với nhà ở, các*

công trình xây dựng trên đất được giao để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng, hệ thống tưới, tiêu nước, chuồng trại chăn nuôi hay vật kiến trúc khác hoặc trên đất có các tài sản khác như cây lấy gỗ, cây lấy lá, cây ăn quả, cây công nghiệp hay các cây lâu năm khác) gắn liền với quyền sử dụng đất đó mà có yêu cầu chia di sản thừa kế, thì cần phân biệt các trường hợp sau”: “b) Trong trường hợp đương sự không có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp, nhưng có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho biết rõ là việc sử dụng đất đó không vi phạm quy hoạch và có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất, thì Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Đồng thời phải xác định ranh giới, tạm giao quyền sử dụng đất đó cho đương sự để Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền tiến hành các thủ tục giao quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quy định của pháp luật về đất đai”. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định diện tích đất yêu cầu chia di sản thừa kế không vi phạm quy hoạch, có thể được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua xem xét thẩm định thực tế thì trên diện tích đất yêu cầu chia di sản thừa kế có nhà xây và các công trình phụ khác. Do vậy có căn cứ để tạm giao quyền sử dụng đất cho các đương sự.

Đối với diện tích đất ao qua xác minh với chính quyền địa phương thể hiện Công ty chè Sông Lô chưa bàn giao cho địa phương quản lý. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 18 tháng 7 năm 2022 Đại diện Công ty cổ phần chè Sông Lô xác định: Theo danh sách thửa đất ban hành kèm theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè Sông Lô tại xã H.K thì hiện tại Công ty cổ phần chè Sông Lô chỉ quản lý 03 diện tích đất nuôi trồng thủy sản (đất ao), cụ thể: Số thứ tự 04, thửa đất số 06 với diện tích 13.193m²; số thứ tự 07, thửa đất số 12 với diện tích 4.569m² và số thứ tự 09, thửa đất số 15 với diện tích 4.881m². Đối với diện tích đất ao 724,8m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ địa chính số 41 thuộc Thôn Y.T, xã H.K (theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất) mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế nay không nằm trong danh sách quản lý, nghĩa là UBND tỉnh đã thu hồi trả về cho địa phương quản lý. Mặt khác theo tờ bản đồ số 41 lưu tại UBND xã H.K thì thửa đất số 08 có diện tích 2027,0m² trong đó đất ao = 724,8m² không thể hiện ranh giới đất Công ty chè bàn giao cho địa phương quản lý. Như vậy có căn cứ xác định nguồn gốc do ông Dương Văn Đ và bà Phạm Thị Nh sử dụng.

2.4. Về hàng thừa kế:

Các đồng nguyên đơn và bị đơn đều xác định là con đẻ của cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D và không có tranh chấp về hàng thừa kế, cụ H, cụ D không có con nuôi, không có con riêng và không ai từ chối nhận di sản. Do vậy có căn cứ xác định ông Dương Văn V, ông Dương Văn Đ, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B và bà Dương Thị L là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D. Ông Dương Văn V chết ngày 23 tháng 02 năm 2010), do vậy vợ và các con của ông V sẽ được hưởng phần của ông V (thừa kế chuyển tiếp). Đối với phần di sản của cụ D, do ông V chết trước cụ D. Do vậy các con

chứa ông V được hưởng thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 - Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy các con của ông V sẽ được hưởng kỷ phần như các đồng thừa kế khác. Thời điểm ông V chết phát sinh quyền thừa kế của vợ ông V, tuy nhiên tại biên bản họp gia đình ngày 08/6/2021 và tại biên bản làm việc ngày 08/9/2022 bà Đặng Thị Lý là vợ ông V từ chối nhận di sản. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về bản di chúc của cụ Phạm Thị D.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Dương Văn Đ có xuất trình bản di chúc đề ngày 30 tháng 5 năm 2013 thể hiện người lập là Phạm Thị Nh có nội dung cụ D lập di chúc cho ông Dương Văn Đ được thừa hưởng toàn bộ thửa đất và căn nhà cụ D đang ở, có xác nhận của ông Bùi Duy Ph - Trưởng Thôn Y.T (ông Nhất xác định ông Đ cầm bản di chúc sang nhà riêng ông Nhất nhờ xác nhận chứ ông Nhất không được chứng kiến việc lập di chúc). Theo Điều 655 - Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Người lập di chúc phải tự tay viết và ký vào bản di chúc” Điều 656 - Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng phải xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”. Do vậy bản di chúc do ông Đ xuất trình không hợp pháp, quá trình giải quyết vụ án ông Đ nhất trí không đề cập đến bản di chúc. Vì vậy cấp sơ thẩm xem xét chia thừa kế theo pháp luật là đúng theo quy định.

2.6. Về cách phân chia di sản thừa kế: Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm đã xem xét, xử chia thừa kế di sản của cụ Phạm Thị D để lại về giá trị đều nhau. Tuy nhiên, di sản thừa kế chủ yếu là quyền sử dụng đất, tổng diện tích đất là 2027 m², trong đó đất ao là 769,1m², đất ở là 400m², còn lại đất vườn là 857,9m². Theo kết quả định giá đất ở là 400.000đồng/m² x 400 = 160.000.000; đất vườn là 35.000đồng/m² x 857,9m² = 30.026.500đồng; đất ao là 32.000 đồng/m² x 769.1m² = 24.611.200 đồng. Tổng trị giá đất = 214.637.700đồng

Tài sản trên đất: Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định tài sản gồm: 01 nhà xây 02 tầng mái bằng, xây dựng năm 1995, diện tích 29,4m², trị giá là 51.816.124đồng; 01 nhà mái ngói 01 tầng + bếp, xây dựng năm 1995, diện tích 34,2628m², trị giá là 11.611.663đồng; 01 sân bê tông + đường vào, xây dựng năm 2019, diện tích 11,882m², trị giá là 11.384.554đồng; 01 Mái tôn sân bê tông, xây dựng năm 2021, diện tích 59m², trị giá 18.524.525đồng; 01 bờ kè đá của ao cá, xây dựng năm 2021, diện tích 46,117m³, trị giá 6.989.446đồng; 01 hàng rào xây quanh nhà, xây dựng năm 1997, diện tích 262,785m², trị giá = 12.001.496đồng; 01 bờ kè gạch chắn đất vườn, xây dựng năm 1997, diện tích 9,348m², trị giá = 695.132đồng; 01 Nhà tắm + nhà vệ sinh, xây dựng năm 1997, diện tích 4,9344 m², trị giá = 497.316đồng; 01 bể nước ăn, xây dựng năm 1997, diện tích 3,9686m², trị giá = 987.388 đồng; 01 lan can trước nhà, xây dựng năm 1997, diện tích 13,78 m², trị giá 1.322.880đồng. Tổng giá trị tài sản là 115.830.524đồng. Tại biên bản làm việc ngày 09/8/2022 các đồng nguyên đơn xác định không yêu cầu chia trị giá hàng rào xây quanh nhà, nên cần trừ đi số tiền này (115.830.524 đồng - 12.001.496 đồng = 103.829.028 đồng). Đối với mái tôn

sân bê tông do xây dựng sau khi cụ H và cụ D chết, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các nguyên đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết. Do vậy tổng trị giá tài sản trên đất được xác định là di sản thừa kế là $(103.829.028 \text{ đồng} - 18.524.525 \text{ đồng} = 85.304.503 \text{ đồng})$.

Tổng giá trị di sản thừa kế (Bao gồm đất và tài sản trên đất) là 299.942.203đ.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới đó là: cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan đều đề nghị xem xét thẩm định và chia lại di sản thừa kế, trong đó bị đơn không có nhu cầu lấy phần đất có nhà ở do bố mẹ để lại, mà đề nghị lấy phần có đất ao. Tòa án đã tiến hành thẩm định, trưng cầu đơn vị đo vẽ theo 02 phương án như đề nghị của các đương sự là: phương án 1: chia theo phần mỗi suất $289,6\text{m}^2$, trong đó các đồng nguyên đơn và người liên quan gồm $6/7$ tổng diện tích đất gộp chung; phương án 2: bị đơn nhận đất ao, còn lại các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan nhận nhà ở, đất ở và đất vườn tạp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, do các đương sự không thỏa thuận được về cách chia, nên đề nghị Hội đồng xét xử phân chia theo quy định của pháp luật.

Về đất: Hội đồng xét xử thấy rằng cần chia đều diện tích đất cho các đồng thừa kế, do có nhiều loại đất, nên trường hợp người được hưởng phần đất có trị giá nhiều hơn phải có nghĩa vụ trả trị giá chênh lệch cho người hưởng phần có trị giá ít hơn theo kết quả định giá. Đối với diện tích đất ao liền kề với diện tích đất có nhà ở, xét thấy đất ao không thể chia đều cho các đồng thừa kế hoặc trường hợp chia cho một trong các đồng thừa kế sử dụng sẽ không phù hợp với thực tế và không đảm bảo quyền lợi, vì liên quan đến đất ở hay chuyển đổi mục đích sử dụng đất, do vậy cần chia liền với diện tích đất có nhà ở. Thấy rằng các đồng thừa kế đều đã có nhà ở, có nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên, các đồng nguyên đơn đề nghị chia theo phần, mỗi suất $289,6\text{m}^2$, trong đó các đồng nguyên đơn và người liên quan gồm $6/7$ tổng diện tích đất gộp chung, nếu chia theo phần bằng hiện vật ở phía bên có ao sẽ rất khó thực hiện. Do vậy, cần giao cho ông Dương Văn Đ $1/7$ tổng diện tích đất là $289,6 \text{ m}^2$, (trong đó có $1/7$ diện tích đất ở = $57,14 \text{ m}^2$ và $232,46 \text{ m}^2$ đất vườn) phía giáp nhà chi Dương Thị L như đề nghị của các đồng nguyên đơn là phù hợp, vì phần đất vuông vắn và có giáp đường đi (Phần đất dự kiến chia cho ông Đ có $11,3\text{m}$ đất giáp đường đi. Cần giao cho các đồng nguyên đơn và người liên quan ($6/7$ phần) diện tích đất có nhà, các công trình xây dựng và diện tích đất ao liền kề là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do các đồng thừa kế không yêu cầu chia thành từng kỷ phần cụ thể mà đề nghị được chia chung, sau đó các đồng nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận với nhau sau, nên cần chấp nhận yêu cầu của các đồng thừa kế. Cụ thể:

Về đất ở, mặc dù diện tích đất yêu cầu chia thừa kế chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên theo sổ mục kê lập năm 1996 thì diện tích đất yêu cầu chia thừa kế có 400m^2 đất ở, tại phiên tòa bà Dương Thị L xác

định khi cụ H, cụ D tặng cho đất, không tặng cho đất ở đến khi bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định theo quy định khu vực Thôn Y.T, xã H.K được cấp 400m² đất ở. Do vậy cần xác định trong tổng số diện tích đất yêu cầu chia thừa kế có 400m² đất ở, diện tích còn lại là đất vườn và đất ao. Để đảm bảo quyền lợi của tất cả các đương sự về việc sử dụng đất ở, nên cần chia đều cho các kỹ phần là phù hợp với việc sử dụng đất (400m² : 7 = 57,14m²)

Tổng trị giá tài sản (nhà và đất) = 299.942.000đồng : 7 (kỹ phần) = 42.848.857 đồng (làm tròn số = 42.848.000đồng - Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao diện tích đất và tài sản trên đất cụ thể như sau:

- Ông Dương Văn Đ được quyền sử dụng thừa đất ký hiệu số 02, với diện tích = 289,6m² (Trong đó đất ở = 57,14m², vườn = 232,46 m²), trị giá 30.992.100đồng.

- Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr được quyền sử dụng thừa đất ký hiệu số 01 với diện tích 1.737,4m², trong đó đất ở = 342,86m², đất vườn = 625,44, đất ao = 769,1 m². Trị giá đất = 184.645.600 đồng và trị giá tài sản trên đất là 84.304.300đ.

Tổng cộng trị giá di sản thừa kế các đồng nguyên đơn được hưởng là 268.949.900đ.

Các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả số tiền chênh lệch về trị giá tài sản cho ông Dương Văn Đ là 11.855.900đ đảm bảo đủ trị giá kỹ phần. 11.855.900đ chia 6 phần = 1.975.983,33đ (Làm tròn số 1.975.980đ); Trong đó: anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr mỗi người phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho Ông Dương Văn Đ số tiền là 658.660đ (Sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

[3]. Về chi phí thẩm định định tại cấp phúc thẩm

Bà Dương Thị Kh là người đại diện cho các nguyên đơn nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các nguyên đơn xác định tự nguyện chịu không yêu cầu giải quyết trong bản án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Dương Thị Th và ông Dương Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự còn lại phải chịu án phí tương ứng với trị giá tài sản được hưởng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo kỹ phần được hưởng phần di sản là đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà

Dương Thị Kim B; Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, bà Th là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B; Người có quyền lợi nghĩa liên quan: Anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch, chị Dương Thị Tr, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y.S như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn: bà Dương Thị L; bà Dương Thị Th; bà Dương Thị Kh; Bà Dương Thị K và bà Dương Thị Kim B.

2. Xử: Chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn H và cụ Phạm Thị D cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

2.1. Giao cho Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr được quyền sở hữu và sử dụng: 01 nhà xây 02 tầng mái bằng, diện tích 29,4m²; 01 nhà mái ngói 01 tầng + bếp diện tích 34,2628m²; 01 sân bê tông + 01 Nhà tắm + nhà vệ sinh, diện tích 4,9344 m²; 01 bể nước ăn, diện tích 3,9686m³; 01 lan can trước nhà, diện tích 13,78m²;

Tạm giao cho Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr được quyền sử dụng thửa đất ký hiệu số 01 với diện tích 1.737,4m², trong đó đất ở = 342,86m², đất vườn = 625,44, đất ao là 769,1 m² được nối liền bởi các điểm nối liên tục 5,7,8,9...26,27,28,6,5 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án).

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tổng cộng trị giá di sản thừa kế các đồng nguyên đơn được hưởng là 268.949.900đ.

2.2. Tạm giao cho ông Dương Văn Đ được quyền sử dụng thửa đất ký hiệu số 02, với diện tích = 289,6m² (Trong đó đất ở = 57,14m², đất vườn = 232,46 m²),

được nối liền bởi các điểm nối liền tục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 28, 29, 1 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án). Tổng trị giá thửa đất ông Đ được hưởng là 30.992.100đ (Ba mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn một trăm đồng).

Ông Dương Văn Đ được hưởng phần giá trị tài sản chênh lệch là 11.855.900đ do các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả để đủ trị giá kỷ phần.

3. Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho Ông Dương Văn Đ phần giá trị tài sản chênh lệch là 11.855.900đ, chia ra: (11.855.900đ chia 6 phần) mỗi người = 1.975.983,33đ (Làm tròn số 1.975.980đ); Trong đó: anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr mỗi người phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về tài sản cho Ông Dương Văn Đ số tiền là 658.660đ (Sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà Dương Thị L, bà Dương Thị Th, bà Dương Thị Kh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị Kim B, anh Dương Minh T, chị Dương Thị Ch và chị Dương Thị Tr chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Dương Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đ (hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003871 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại bà L số tiền chênh lệch là 2.857.600đ (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); bà Dương Thị Kh phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đ (hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng); bà Dương Thị K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đ (hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng); bà Dương Thị Kim B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đ (hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng), anh Dương Minh T, chị Dương Thị Tr và chị Dương Thị Ch phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.400đ (hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Chia ra anh Tuấn phải chịu 714.133đ (bảy trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi ba đồng), chị Trang phải chịu 714.133đ (bảy trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi ba đồng), chị Châm phải chịu 714.133đ (bảy trăm mười bốn nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị Th và ông Dương Văn Đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: các đồng nguyên đơn: bà Dương Thị L; bà Dương Thị Th; bà Dương Thị Kh; Bà Dương Thị K và bà Dương Thị Kim B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền các đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

+Trả cho chị Dương Thị Tr 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0004225 ngày 14/10/2022;

+ Trả cho bà Dương Thị L 300.000đồng theo biên lai 0004251 ngày 24/10/2022;

+ Trả cho bà Dương Thị Kh 300.000đồng theo biên lai 0004333 ngày 29/11/2022;

+ Trả cho bà Dương Thị Kim B 300.000đồng theo biên lai 0004334 ngày 29/11/2022;

+ Trả cho bà Dương Thị K 300.000đồng theo biên lai 0004335 ngày 29/11/2022;

+ Trả cho anh Dương Minh T 300.000đồng theo biên lai 0004341 ngày 05/12/2022.

Bà Dương Thị Th và ông Dương Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18/4/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND h Y.S;
- CC.T.H.A.DS h. Y.S;
- Các đương sự;
- VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ma Hồng Thắng